

Số: /KH-UBND

Định Hòa, ngày tháng 10 năm 2025

**KẾ HOẠCH
Nâng cấp Trang thông tin điện tử
UBND Xã Định Hòa tỉnh An Giang**

Căn cứ Nghị định số 42/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định số 671/QĐ-BTTTT ngày 26/4/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Ban hành Hướng dẫn xác định chi phí phần mềm nội bộ;

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nâng cấp trang thông tin điện tử UBND Xã Định Hòa tỉnh An Giang với công nghệ mới nhất đảm bảo an toàn thông tin theo đúng quy định, giao diện phù hợp với tất cả thiết bị điện tử, đảm bảo đồng bộ thông suốt dữ liệu khi nâng cấp.

2. Yêu cầu

- Nâng cấp trang thông tin điện tử trên nền tảng Drupal đáp ứng đầy đủ các chức năng quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP và Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT.
- Cấu trúc, giao diện trang thông tin điện tử hiển thị phù hợp giúp người dùng dễ dàng thao tác.
- Điều chỉnh thay đổi cấu trúc chuyên mục, hình ảnh và các chuyên mục hiển thị phù hợp theo quy định và yêu cầu của đơn vị.
- rà soát cập nhật nội dung trên trang thông tin điện tử đáp ứng đầy đủ các quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP và Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT.
- Hiển thị được trên nhiều loại thiết bị di động và trên máy tính.
- Xây dựng các chức năng trên trang thông tin điện tử để đăng tải chủ yếu các nội dung về tin tức, văn bản, hình ảnh, video, hình ảnh tuyên truyền, liên kết trang.

II. HIỆN TRẠNG TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ UBND XÃ ĐỊNH HÒA TỈNH AN GIANG

1. Hạ tầng kỹ thuật

- Về máy chủ: Máy chủ trang thông tin điện tử đang đặt tại Trung tâm dữ liệu tỉnh An Giang đảm bảo an toàn thông tin theo quy định.
- Về hệ thống mạng cục bộ (LAN) và Internet: UBND Xã Định Hòa tỉnh An Giang đã được thiết lập mạng LAN trong cơ quan nhằm phục vụ cho nhu cầu công việc, chia sẻ dữ liệu và sử dụng các phần mềm dùng chung trong đơn vị. Bên cạnh đó, đơn vị còn tự trang bị đường truyền Internet riêng với tốc độ cao nhằm phục vụ cho công việc và trao đổi thông tin. Nhìn chung, hiện trạng về hệ thống mạng của đơn vị cơ bản đáp ứng được nhu cầu công việc và trao đổi thông tin với nhau.

2. Nguồn nhân lực

Nhân sự tham gia Trang thông tin điện tử UBND Xã Định Hòa tỉnh An Giang là các cán bộ của đơn vị, đảm bảo đủ năng lực chuyên môn quản lý, vận hành hệ thống cơ bản đáp ứng được yêu cầu trong thời gian qua.

3. Trang thông tin điện tử

Trang thông tin điện tử UBND Xã Định Hòa tỉnh An Giang được xây dựng thời gian đã lâu, trang được xây dựng trên nền tảng nền công nghệ Sharepoint phiên bản đã cũ, một số chuyên mục và nội dung trên trang thông tin hiện chưa đáp ứng với các tiêu chuẩn, quy định mới theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. Vì vậy, để đảm bảo đầy mạnh cung cấp thông tin chính thống trên địa bàn tỉnh, đồng thời đảm bảo an toàn thông tin trong thời kỳ mới, cần sớm thực hiện nâng cấp trang thông tin điện tử của đơn vị.

III. NỘI DUNG

1. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn kinh phí sự nghiệp Chuyên đổi số năm 2025

2. Dự kiến kết quả đạt được:

- Trang thông tin điện tử sau khi xây dựng có tốc độ truy xuất nhanh, có giao diện riêng cho điện thoại thông minh, cấu trúc trang thân thiện và tiện dụng với người dùng, đảm bảo an toàn thông tin.

- Đáp ứng đầy đủ các quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng và Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT ngày 31-12-2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định cấu trúc, bố cục, yêu cầu kỹ thuật cho cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước

3. Giải pháp thực hiện

3.1. Nội dung

- Xây dựng trang thông tin điện tử với các chức năng đáp ứng được các yêu cầu đã được nêu ở mục I.2.

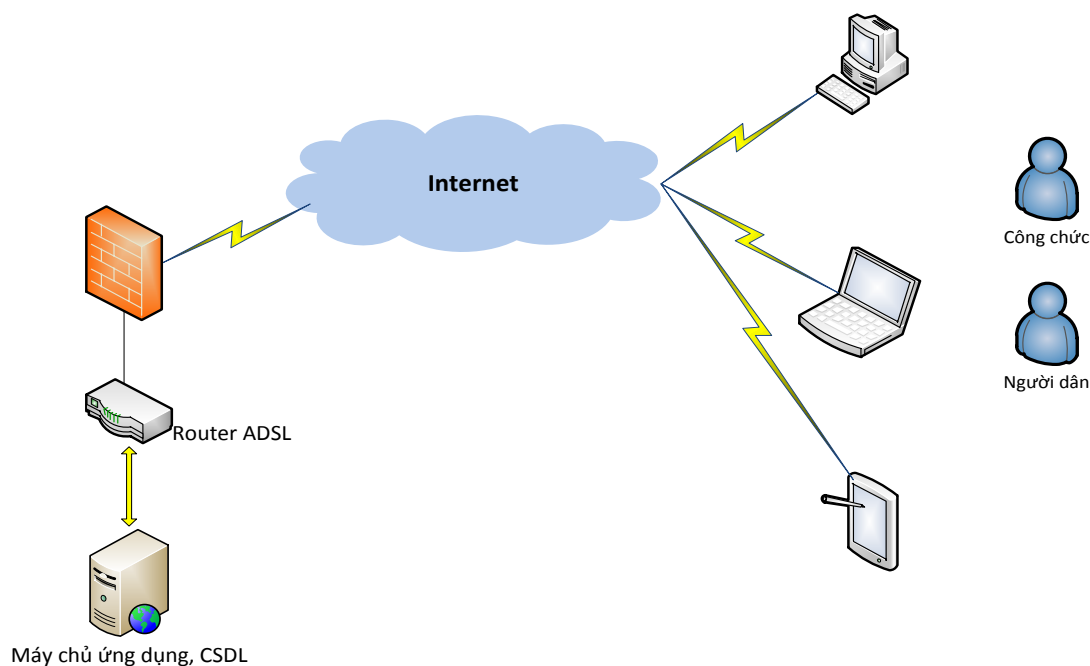
- Đào tạo tập huấn các chức năng và giao diện mới nâng cấp cho cán bộ phụ trách kỹ thuật.

3.2. Công nghệ phát triển

- Trang thông tin điện tử mới được nâng cấp từ trang thông tin điện tử của đơn vị có công nghệ Drupal đồng bộ công nghệ với Cổng tỉnh, được nâng cấp đảm bảo an toàn thông tin trong suốt quá trình vận hành, thuận lợi cho việc trao đổi, tích hợp các phân hệ ứng dụng khác.

- Cơ sở dữ liệu hỗ trợ tốt các chuẩn truy vấn SQL, Unicode, có thể lưu trữ lượng dữ liệu tương đối lớn. Ngôn ngữ lập trình tùy theo nền tảng sử dụng nhưng cần đảm bảo mô hình 3 tầng ở phía Server, JSP, JavaScript, HTML, Ajax ở phía Client.

3.3. Mô hình triển khai



3.4. Tiêu chuẩn áp dụng

Số TT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
1	Tiêu chuẩn về kết nối			
1.1	Truyền siêu văn bản	HTTP v1.1	Hypertext Transfer Protocol version 1.1	Bắt buộc áp dụng
		HTTP v2.0	Hypertext Transfer Protocol version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
1.2	Truyền tệp tin	FTP	File Transfer Protocol	Bắt buộc áp dụng một hoặc cả hai tiêu chuẩn
		HTTP v1.1	Hypertext Transfer Protocol version 1.1	
		HTTP v2.0	Hypertext Transfer Protocol version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
		WebDAV	Web-based Distributed Authoring and Versioning	Khuyến nghị áp dụng
1.3	Truyền, phát luồng âm thanh/ hình ảnh	RTSP	Real-time Streaming Protocol	Khuyến nghị áp dụng
		RTP	Real-time Transport Protocol	Khuyến nghị áp dụng
		RTCP	Real-time Control Protocol	Khuyến nghị áp dụng

1.4	Truy cập và chia sẻ dữ liệu	OData v4	Open Data Protocol version 4.0	Khuyến nghị áp dụng
1.5	Truyền thư điện tử	SMTP/ MIME	Simple Mail Transfer Protocol/Multipurpose Internet Mail Extensions	Bắt buộc áp dụng
1.6	Cung cấp dịch vụ truy cập hộp thư điện tử	POP3	Post Office Protocol version 3	Bắt buộc áp dụng cả hai tiêu chuẩn đối với máy chủ
		IMAP 4rev1	Internet Message Access Protocol version 4 revision 1	
1.7	Truy cập thư mục	LDAP v3	Lightweight Directory Access Protocol version 3	Bắt buộc áp dụng
1.8	Dịch vụ tên miền	DNS	Domain Name System	Bắt buộc áp dụng
1.9	Giao vận mạng có kết nối	TCP	Transmission Control Protocol	Bắt buộc áp dụng
1.10	Giao vận mạng không kết nối	UDP	User Datagram Protocol	Bắt buộc áp dụng
1.11	Liên mạng LAN/WAN	IPv4	Internet Protocol version 4	Bắt buộc áp dụng
		IPv6	Internet Protocol version 6	Bắt buộc áp dụng đối với các thiết bị có kết nối Internet
1.12	Mạng cục bộ không dây	IEEE 802.11g	Institute of Electrical and Electronics Engineers Standard (IEEE) 802.11g	Bắt buộc áp dụng
		IEEE 802.11n	Institute of Electrical and Electronics Engineers Standard (IEEE) 802.11n	Khuyến nghị áp dụng
1.13	Truy cập Internet với thiết bị không dây	WAP v2.0	Wireless Application Protocol version 2.0	Bắt buộc áp dụng
1.14	Dịch vụ Web dạng SOAP	SOAP v1.2	Simple Object Access Protocol version 1.2	Bắt buộc áp dụng một, hai hoặc cả ba tiêu chuẩn
		WSDL V2.0	Web Services Description Language version 2.0	
		UDDI v3	Universal Description, Discovery and Integration version 3	
1.15	Dịch vụ Web dạng RESTful	RESTful web service	Representational state transfer	Khuyến nghị áp dụng
1.16	Dịch vụ đặc tả Web	WS BPEL v2.0	Web Services Business Process Execution Language Version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
		WS-I Simple SOAP Binding Profile Version 1.0	Simple SOAP Binding Profile Version 1.0	Khuyến nghị áp dụng

		WS- Federation v1.2	Web Services Federation Language Version 1.2	Khuyến nghị áp dụng
		WS- Addressing v1.0	Web Services Addressing 1.0	Khuyến nghị áp dụng
		WS- Coordination Version 1.2	Web Services Coordination Version 1.2	Khuyến nghị áp dụng
		WS-Policy v1.2	Web Services Coordination Version 1.2	Khuyến nghị áp dụng
		OASIS Web Services Business Activity Version 1.2	Web Services Business Activity Version 1.2	Khuyến nghị áp dụng
		WS- Discovery Version 1.1	Web Services Dynamic Discovery Version 1.1	Khuyến nghị áp dụng
		WS- MetadataExchange	Web Services Metadata Exchange	Khuyến nghị áp dụng
1.17	Dịch vụ đồng bộ thời gian	NTPv3	Network Time Protocol version 3	Bắt buộc áp dụng một trong hai tiêu chuẩn
		NTPv4	Network Time Protocol version 4	
2	Tiêu chuẩn về tích hợp dữ liệu			
2.1	Ngôn ngữ định dạng văn bản	XML v1.0 (5 th Edition)	Extensible Markup Language version 1.0 (5 th Edition)	Bắt buộc áp dụng một trong hai tiêu chuẩn
		XML v1.1 (2 nd Edition)	Extensible Markup Language version 1.1	
2.2	Ngôn ngữ định dạng văn bản cho giao dịch điện tử	ISO/TS 15000:2014	Electronic Business Extensible Markup Language (ebXML)	Bắt buộc áp dụng
2.3	Định nghĩa các lược đồ trong tài liệu XML	XML Schema V1.1	XML Schema version 1.1	Bắt buộc áp dụng
2.4	Biến đổi dữ liệu	XSL	Extensible Stylesheet Language	Bắt buộc áp dụng phiên bản mới nhất.
2.5	Mô hình hóa đối tượng	UML v2.5	Unified Modelling Language version 2.5	Khuyến nghị áp dụng
2.6	Mô tả tài nguyên dữ liệu	RDF	Resource Description Framework	Khuyến nghị áp dụng
		OWL	Web Ontology Language	Khuyến nghị áp dụng

2.7	Trình diễn bộ kí tự	UTF-8	8-bit Universal Character Set (UES)/Unicode Transformation Format	Bắt buộc áp dụng
2.8	Khuôn thức trao đổi thông tin địa lý	GML v3.3	Geography Markup Language version 3.3	Bắt buộc áp dụng
2.9	Truy cập và cập nhật các thông tin địa lý	WMS v1.3.0	OpenGIS Web Map Service version 1.3.0	Bắt buộc áp dụng
		WFS v1.1.0	Web Feature Service version 1.1.0	Bắt buộc áp dụng
2.10	Trao đổi dữ liệu đặc tả tài liệu XML	XMI v2.4.2	XML Metadata Interchange version 2.4.2	Khuyến nghị áp dụng
2.11	Sổ đăng ký siêu dữ liệu (MDR)	ISO/IEC 11179:2015	Sổ đăng ký siêu dữ liệu (Metadata registries - MDR)	Khuyến nghị áp dụng
2.12	Bộ phần tử siêu dữ liệu Dublin Core	ISO 15836-1:2017	Bộ phần tử siêu dữ liệu Dublin Core	Khuyến nghị áp dụng(*)
2.13	Định dạng trao đổi dữ liệu mô tả đối tượng dạng kịch bản JavaScript	JSON RFC 7159	JavaScript Object Notation	Khuyến nghị áp dụng
2.14	Ngôn ngữ mô hình quy trình nghiệp vụ	BPMN 2.0	Business Process Model and Notation version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
3	Tiêu chuẩn về truy cập thông tin			
3.1	Chuẩn nội dung Web	HTML v4.01	Hypertext Markup Language version 4.01	Bắt buộc, áp dụng
		WCAG 2.0	W3C Web Content Accessibility Guidelines (WCAG) 2.0	Khuyến nghị áp dụng
		HTML 5	Hypertext Markup Language version 5	Khuyến nghị áp dụng
3.2	Chuẩn nội dung Web mở rộng	XHTML v1.1	Extensible Hypertext Markup Language version 1.1	Bắt buộc áp dụng
3.3	Giao diện người dùng	CSS2	Cascading Style Sheets Language Level 2	Bắt buộc áp dụng một trong ba tiêu chuẩn
		CSS3	Cascading Style Sheets Language Level 3	
		XSL	Extensible Stylesheet Language version	

3.4	Văn bản	(.txt)	Định dạng Plain Text (.txt): Dành cho các tài liệu cơ bản không có cấu trúc	Bắt buộc áp dụng
		(.rtf) v1.8, v1.9.1	Định dạng Rich Text (.rtf) phiên bản 1.8, 1.9.1: Dành cho các tài liệu có thể trao đổi giữa các nền khác nhau	Bắt buộc áp dụng
		(.docx)	Định dạng văn bản Word mở rộng của Microsoft (.docx)	Khuyến nghị áp dụng
		(.pdf) v1.4, v1.5, v1.6, v1.7	Định dạng Portable Document (.pdf) phiên bản 1.4, 1.5, 1.6, 1.7: Dành cho các tài liệu chỉ đọc	Bắt buộc áp dụng một, hai hoặc cả ba tiêu chuẩn
		(.doc)	Định dạng văn bản Word của Microsoft (.doc)	
		(.odt) v1.2	Định dạng Open Document Text (.odt) phiên bản 1.2	
3.5	Bảng tính	(.csv)	Định dạng Comma eparated Variable/Delimited (.csv): Dành cho các bảng tính cần trao đổi giữa các ứng dụng khác nhau.	Bắt buộc áp dụng
		(.xlsx)	Định dạng bảng tính Excel mở rộng của Microsoft (.xlsx)	Khuyến nghị áp dụng
		(.xls)	Định dạng bảng tính Excel của Microsoft (.xls)	Bắt buộc áp dụng một hoặc cả hai tiêu chuẩn
		(.ods) v1.2	Định dạng Open Document Spreadsheets (.ods) phiên bản 1.2	
3.6	Trình diễn	(.htm)	Định dạng Hypertext Document (.htm): cho các trình bày được trao đổi thông qua các loại trình duyệt khác nhau	Bắt buộc áp dụng
		(.pptx)	Định dạng PowerPoint mở rộng của Microsoft (.pptx)	Khuyến nghị áp dụng
		(.pdf)	Định dạng Portable Document (.pdf): cho các trình bày lưu dưới dạng chỉ đọc	Bắt buộc áp dụng một, hai hoặc cả ba tiêu chuẩn
		(.ppt)	Định dạng PowerPoint (.ppt) của Microsoft	
		(.odp) v1.2	Định dạng Open Document Presentation (.odp) phiên bản 1.2	
3.7	Ảnh đồ họa	JPEG	Joint Photographic Expert Group (.jpg)	Bắt buộc áp dụng một, hai, ba hoặc cả bốn tiêu chuẩn
		GIF v89a	Graphic Interchange (.gif) version 89a	
		TIFF	Tag Image File (.tif)	

		PNG	Portable Network Graphics (.png)	
3.8	Ảnh gắn với tọa độ địa lý	GEO TIFF	Tagged Image File Format for GIS applications	Bắt buộc áp dụng
3.9	Phim ảnh, âm thanh	MPEG-1	Moving Picture Experts Group-1	Khuyến nghị áp dụng
		MPEG-2	Moving Picture Experts Group-2	Khuyến nghị áp dụng
		MPEG-4	Moving Picture Experts Group-4	Khuyến nghị áp dụng
		MP3	MPEG-1 Audio Layer 3	Khuyến nghị áp dụng
		AAC	Advanced Audio Coding	Khuyến nghị áp dụng
3.10	Luồng phim ảnh, âm thanh	(.asf), (.wma), (.wmv)	Các định dạng của Microsoft Windows Media Player (.asf), (.wma), (.wmv)	Khuyến nghị áp dụng
		(.ra), (.rm), (.ram), (.rmm)	Các định dạng Real Audio/Real Video (.ra), (.rm), (.ram), (.rmm)	Khuyến nghị áp dụng
		(.avi), (.mov), (.qt)	Các định dạng Apple Quicktime (.avi), (.mov), (.qt)	Khuyến nghị áp dụng
3.11	Hoạt họa	GIF v89a	Graphic Interchange (.gif) version 89a	Khuyến nghị áp dụng
		(.swf)	Định dạng Macromedia Flash (.swf)	Khuyến nghị áp dụng
		(.swf)	Định dạng Macromedia Shockwave (.swf)	Khuyến nghị áp dụng
		(.avi), (.qt), (.mov)	Các định dạng Apple Quicktime (.avi),(.qt),(.mov)	Khuyến nghị áp dụng
3.12	Chuẩn nội dung cho thiết bị di động	WML v2.0	Wireless Markup Language version 2.0	Bắt buộc áp dụng
3.13	Bộ ký tự và mã hóa	ASCII	American Standard Code for Information Interchange	Bắt buộc áp dụng
3.14	Bộ ký tự và mã hóa cho tiếng Việt	TCVN 6909:2001	TCVN 6909:2001 “Công nghệ thông tin - Bộ mã ký tự tiếng Việt 16-bit”	Bắt buộc áp dụng
3.15	Nén dữ liệu	Zip	Zip (.zip)	Bắt buộc áp dụng một hoặc cả hai tiêu chuẩn
		.gz v4.3	GNU Zip (.gz) version 4.3	
3.16	Ngôn ngữ kịch bản phía trình khách	ECMA 262	ECMAScript version 6 (6 th Edition)	Bắt buộc áp dụng
3.17		RSS v1.0	RDF Site Summary version 1.0	

	Chia sẻ nội dung Web	RSS v2.0	Really Simple Syndication version 2.0	Bắt buộc áp dụng một trong hai tiêu chuẩn
		ATOM v1.0	ATOM version 1.0	Khuyến nghị áp dụng
3.18	Chuẩn kết nối ứng dụng công thông tin điện tử	JSR 168	Java Specification Requests 168 (Portlet Specification)	Bắt buộc áp dụng
		JSR286	Java Specification Requests 286 (Portlet Specification)	Khuyến nghị áp dụng
		WSRP v1.0	Web Services for Remote Portlets version 1.0	Bắt buộc áp dụng
		WSRP v2.0	Web Services for Remote Portlets version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
4	Tiêu chuẩn về an toàn thông tin			
4.1	An toàn thư điện tử	S/MIME v3.2	Secure Multi-purpose Internet Mail Extensions version 3.2	Bắt buộc áp dụng
		OpenPGP	OpenPGP	Khuyến nghị áp dụng
4.2	An toàn tầng giao vận	SSH v2.0	Secure Shell version 2.0	Bắt buộc áp dụng
		TLS v1.2	Transport Layer Security version 1.2	Bắt buộc áp dụng
4.3	An toàn truyền tệp tin	HTTPS	Hypertext Transfer Protocol Secure	Bắt buộc áp dụng
		FTPS	File Transfer Protocol Secure	Khuyến nghị áp dụng
		SFTP	SSH File Transfer Protocol	Khuyến nghị áp dụng
4.4	An toàn truyền thư điện tử	SMTPTS	Simple Mail Transfer Protocol Secure	Bắt buộc áp dụng
4.5	An toàn dịch vụ truy cập hộp thư	POP3S	Post Office Protocol version 3 Secure	Bắt buộc áp dụng một hoặc cả hai tiêu chuẩn
		IMAPS	Internet Message Access Protocol Secure	
4.6	An toàn dịch vụ DNS	DNSSEC	Domain Name System Security Extensions	Khuyến nghị áp dụng
4.7	An toàn tầng mạng	IPsec - IP ESP	Internet Protocol security với IP ESP	Bắt buộc áp dụng
4.8	An toàn thông tin cho mạng không dây	WPA2	Wi-fi Protected Access 2	Bắt buộc áp dụng
4.9	Giải thuật mã hóa	TCVN 7816:2007	Công nghệ thông tin. Kỹ thuật mật mã thuật toán mã dữ liệu AES	Khuyến nghị áp dụng

		3DES	Triple Data Encryption Standard	Khuyến nghị áp dụng
		PKCS #1 V2.2	RSA Cryptography Standard - version 2.2	Khuyến nghị áp dụng, sử dụng lược đồ RSAES-OAEP để mã hóa
		ECC	Elliptic Curve Cryptography	Khuyến nghị áp dụng
4.10	Giải thuật chữ ký số	PKCS #1 V2.2	RSA Cryptography Standard - version 2.2	Bắt buộc áp dụng, sử dụng lược đồ RSASSA-PSS để ký
		ECDSA	Elliptic Curve Digital Signature Algorithm	Khuyến nghị áp dụng
4.11	Giải thuật băm cho chữ ký số	SHA-2	Secure Hash Algorithms-2	Khuyến nghị áp dụng
4.12	Giải thuật truyền khóa	RSA-KEM	Rivest-Shamir-Adleman - KEM (Key Encapsulation Mechanism) Key Transport Algorithm	Bắt buộc áp dụng
		ECDHE	Elliptic Curve Diffie Hellman Ephemeral	Khuyến nghị áp dụng
4.13	Giải pháp xác thực người sử dụng	SAML v2.0	Security Assertion Markup Language version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
4.14	An toàn trao đổi bản tin XML	XML Encryption Syntax and Processing	XML Encryption Syntax and Processing	Bắt buộc áp dụng
		XML Signature Syntax and Processing	XML Signature Syntax and Processing	Bắt buộc áp dụng
4.15	Quản lý khóa công khai bản tin XML	XKMS v2.0	XML Key Management Specification version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
4.16	Giao thức an toàn thông tin cá nhân	P3P v1.1	Platform for Privacy Preferences Project version 1.1	Khuyến nghị áp dụng
4.17	Hạ tầng khóa công khai			Khuyến nghị áp dụng
	Cú pháp thông điệp mật mã cho ký, mã hóa	PKCS#7 v1.5 (RFC 2315)	Cryptographic message syntax for file-based signing and encrypting version 1.5	
	Cú pháp thông tin thẻ mật mã	PKCS#15 v1.1	Cryptographic token information syntax version 1.1	

	Cú pháp thông tin khóa riêng	PKCS#8 V1.2 (RFC 5958)	Private-Key Information Syntax Standard version 1.2	
	Giao diện thẻ mật mã	PKCS#11 v2.20	Cryptographic token interface standard version 2.20	
	Cú pháp trao đổi thông tin cá nhân	PKCS#12 v1.1	Personal Information Exchange Syntax version 1.1	
	Khuôn dạng danh sách chứng thư số thu hồi	RFC 5280	Certificate Revocation List Profile	
	Khuôn dạng chứng thư số	RFC 5280	Public Key Infrastructure Certificate	
	Cú pháp yêu cầu chứng thực	PKCS#10 v1.7 (RFC 2986)	Certification Request Syntax Specification version 1.7	
	Giao thức trạng thái chứng thư trực tuyến	RFC 6960	On-line Certificate status protocol	
	Giao thức gắn tem thời gian	RFC 3161	Time stamping protocol	
	Dịch vụ tem thời gian	ISO/IEC 18014-1:2008 ISO/IEC 18014-2:2009 ISO/IEC 18014-3:2009 ISO/IEC 18014-4:2015	Information technology Security techniques - Time stamping services Part 1: Framework Part 2: Mechanisms producing independent tokens Part 3: Mechanisms producing linked tokens Part 4: Traceability of time sources	
4.18	An toàn cho dịch vụ Web	WS-Security v1.1.1	Web Services Security: SOAP Message Security Version 1.1.1	Khuyến nghị áp dụng
4.19	Khuôn dạng dữ liệu trao đổi sự cố an toàn mạng	RFC 7970	The Incident Object Description Exchange Format version 2 (IODEF)	Khuyến nghị áp dụng

IV. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM TRIỂN KHAI

1. Đối tượng xây dựng: Trang thông tin điện tử UBND Xã Định Hòa tỉnh An Giang.

2. Đối tượng tập huấn: Cán bộ quản trị hệ thống Trang thông tin điện tử UBND Xã Định Hòa tỉnh An Giang.

3. Thời gian thực hiện: Quý IV năm 2025

4. Địa điểm chuyển giao công nghệ: Tập huấn cho cán bộ quản trị hệ thống và tập huấn chuyển giao hệ thống nâng cấp tại UBND Xã Định Hòa tỉnh An Giang – tại: .

V. DỰ TOÁN KINH PHÍ

- **Tổng kinh phí thực hiện: 30.075,852 đồng** (*Ba mươi triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi hai đồng*). Nội dung chi tiết có trong phụ lục kèm theo

- **Nguồn vốn:** Nguồn kinh phí sự nghiệp Chuyển đổi số năm 2025.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Giao cho Văn phòng chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn và các đơn vị có liên quan theo dõi, đôn đốc và triển khai thực hiện Kế hoạch theo đúng tiến độ; ký kết hợp đồng nâng cấp; tiếp nhận bàn giao, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng theo đúng các quy định hiện hành.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về đơn vị (qua Văn phòng) để xem xét, quyết định.

Trên đây là kế hoạch nâng cấp trang thông tin điện tử của UBND Xã Định Hòa tỉnh An Giang./.

Nơi nhận:

- TT. UBND xã;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC

(Kèm theo kế hoạch số ban hành ngày ... tháng năm 2025 của UBND Xã Định Hòa
tỉnh An Giang)

1. Chi phí phát triển phần mềm

STT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Giá trị	Ký hiệu
1	Chi phí trực tiếp xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ	$1,4 \times E \times P \times H$	17.196.027	G
2	Chi phí chung	$G \times 65\%$	11.177.418	C
3	Thu nhập chịu thuế tính trước	$(G+C) \times 6\%$	1.702.407	TL
4	Chi phí xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ	$G + C + TL$	30.075.852	G_{PM}
	TỔNG CỘNG	G_{PM}	30.075.852	

2. Bảng định giá phần mềm nội bộ:

TT	Hạng mục	Diễn giải	Giá trị	Ghi chú
I	Tính điểm trường hợp sử dụng (Use-case)			
1	Điểm Actor (TAW)		6	
2	Điểm Use case (TBF)		10	
3	Tính điểm UUCP	$UUCP = TAW + TBF$	16	
4	Hệ số phức tạp về KT-CN (TCF)	$TCF = 0,6 + (0,01 \times TFW)$	0.775	
5	Hệ số phức tạp về môi trường (EF)	$EF = 1,4 + (-0,03 \times EFW)$	0.485	
6	Tính điểm AUCP	$AUCP = UUCP \times TCF \times EF$	6.0140	
II	Nội suy thời gian lao động (P)	$P = \text{người/giờ} / AUCP$	20.0000	
III	Giá trị nỗ lực thực tế (E)	$E = AUCP \times 10/6$	10.02	
IV	Mức lương lao động bình quân (H)	$H = \text{người/giờ}$	61.271	đồng
V	Chi phí trực tiếp xây dựng, phát triển, mở rộng phần mềm nội bộ (G)	$G = 1,4 \times E \times P \times H$	17.196.027	đồng

Căn cứ tính lương: Quyết định số 129/QĐ-BTTTT ngày 03/02/2021 về hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

S T T	Tiêu chí xác định	KS Bậc 1	KS Bậc 2	KS Bậc 3	KS Bậc 4	KS Bậc 5	KS Bậc 6	KS Bậc 7	KS Bậc 8	Ghi chú
1	Hệ số lươ ng (Hs)	2,34	2,65	2,96	3,27	3,58	3,89	4,20	4,51	Quyết định số 129/Q Đ- BTTT T ngày 03/02/ 2021
2	Lươ ng cơ sở (ML cs)	2.340. 000	2.340. 000	2.340. 000	2.340. 000	2.340. 000	2.340. 000	2.340. 000	2.340. 000	
3	Hệ số điều chỉnh tăng thêm (Hđ c)	0,9	0,9	0,9	0,9	0,9	0,9	0,9	0,9	Địa bàn thuộc vùng II
4	Lươ ng cơ bản (Lcb)	10.403 .640	11.781 .900	13.160 .160	14.538 .420	15.916 .680	17.294 .940	18.673 .200	20.051 .460	Hs * MLcs * (1 + Hđc)
5	BH XH, BH YT BH	2.340. 819	2.650. 927	2.961. 036	3.271. 144	3.581. 253	3.891. 361	4.201. 470	4.511. 578	BHX H: 17,5% ; BHYT

	TN, KP CD (BH)									: 3% BHTN : 1%; KPCD : 1%
6	Tổn g lươ ng thán g	12.744 .459	14.432 .827	16.121 .196	17.809 .564	19.497 .933	21.186 .301	22.874 .670	24.563 .038	Hs * Lcs * (1+Hđ c) + BH
7	Mứ c lươ ng theo ngà y côn g	490.17 2	555.10 9	620.04 6	684.98 3	749.92 1	814.85 8	879.79 5	944.73 2	01 tháng 26 ngày công
8	Mứ c lươ ng theo giờ	61.271	69.389	77.506	85.623	93.740	101.85 7	109.97 4	118.09 2	01 ngày: 8 giờ

3. Bảng tính toán hệ số tác động môi trường

STT	Các hệ số tác động môi trường	Trọng số	Giá trị xếp hạng	Kết quả	Độ ổn định kinh nghiệm
I	Hệ số tác động môi trường và nhóm dự án (EFW)				
1	Có áp dụng quy trình phát triển phần mềm	1.5	5	7.5	1.00
2	Kinh nghiệm phát triển ứng dụng tương tự	0.5	5	2.5	0.60
3	Kinh nghiệm về hướng đối tượng	1	5	5	1.00
4	Kinh nghiệm của trưởng nhóm lập trình	0.5	5	2.5	0.60

5	Tính chủ động	1	4	4	1.00
6	Độ ổn định của các yêu cầu	2	5	10	1.00
7	Sử dụng các nhân viên làm bán thời gian	-1	0	0	0.00
8	Kinh nghiệm sử dụng ngôn ngữ lập trình	-1	1	-1	0.00
		EFW			30.5
II	Hệ số phức tạp về môi trường (EF)	$EF = 1.4 + (-0.03 \times EFW)$			0.485
III	Độ ổn định kinh nghiệm (ES)	ES			5.20
IV	Nội suy thời gian lao động P	$P =$ người/giờ/UCP			20

4. Bảng tính toán hệ số phức tạp KT – CN

TT	Các hệ số KT	Trọng số	Giá trị xếp hạng	Kết quả	Ghi chú
I	Hệ số KT-CN (TFW)			17.5	
1	Xử lý phân tán	1	1	1	
2	Mức độ quan trọng của hiệu năng	1	3	3	
3	Hiệu quả sử dụng cho người dùng	1	1	1	
4	Độ phức tạp của xử lý bên trong	2	1	2	
5	Khả năng tái sử dụng mã nguồn	1	0	0	
6	Dễ cài đặt	0.5	1	0.5	
7	Dễ vận hành	0.5	0	0	
8	Khả năng chuyển đổi	1	0	0	
9	Dễ dàng bảo trì	1	0	0	
10	Xử lý đồng thời	1	1	1	
11	Mức độ hỗ trợ bảo mật	2	3	6	
12	Sự phụ thuộc vào mã lệnh của bên thứ ba	1	2	2	
13	Mức độ hỗ trợ đào tạo người sử dụng	1	1	1	
II	Hệ số độ phức tạp về CN-KT (TCF)	$TCF = 0.6 + (0.01 \times TFW)$		0.775	

5. Bảng tính toán điểm theo USE CASE

TT	Loại	Trọng số	Hệ số BMT	Số trường hợp sử dụng	Điểm của từng loại trường hợp sử dụng
1	B				
	Đơn giản	5	1	0	0
	Trung bình	10	1	1	10
	Phức tạp	15	1	0	0
2	M				
	Đơn giản	5	1.2	0	0
	Trung bình	10	1.2		0
	Phức tạp	15	1.2		0
3	T				
	Đơn giản	5	1.5		0
	Trung bình	10	1.5		0
	Phức tạp	15	1.5		0
	Cộng (1+2+3)				10

6. Bảng tính toán điểm các tác nhân

STT	Loại Actor	Mô tả	Trọng số	Số tác nhân	Điểm của từng loại tác nhân
1	Đơn giản	Giao diện lập trình ứng dụng (API)	1	0	0
2	Trung bình	Giao diện dòng lệnh (CLI) hoặc giao diện thông qua một giao thức nào đó nhưng không phải giao diện lập trình ứng dụng (API)	2	0	0
3	Phức tạp	Giao diện đồ họa người dùng (GUI)	3	2	6
	Cộng (1+2+3)				6

7. Bảng danh sách các yêu cầu chức năng

STT	Tên chức năng	Phân loại
1	Người dùng có thể xem tin nổi bật hiển thị tương thích theo từng loại thiết bị (di động, máy tính bảng hoặc máy tính)	Dữ liệu đầu ra

2	Menu trang chủ được hiển thị tương thích với từng loại thiết bị (di động, máy tính bảng hoặc máy tính)	Dữ liệu đầu ra
3	Người dùng có thể xem các chuyên mục ngoài trang chủ hiển thị tương thích với từng loại thiết bị (di động, máy tính bảng hoặc máy tính)	Dữ liệu đầu ra
4	Thư viện ảnh, Thư viện video được hiển thị tương thích theo từng loại thiết bị (di động, máy tính bảng hoặc máy tính)	Dữ liệu đầu ra
5	Quản trị có thể đăng tải các banner tuyên truyền hoặc liên kết tương thích với từng loại thiết bị (di động, máy tính bảng hoặc máy tính)	Dữ liệu đầu ra
6	Quản trị có thể tra cứu, đăng tải các tin bài và văn bản hiển thị tương thích với từng loại thiết bị (di động, máy tính bảng hoặc máy tính)	Dữ liệu đầu ra